

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG PHÚC LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG PHÚC LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC LONG INFRASTRUCTURE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108701811

**3. Ngày thành lập:** 18/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 327, tổ 45, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641     |
| 2.  | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4782     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải; | 4659     |
| 4.  | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2826     |
| 5.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1430     |
| 6.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1410     |
| 7.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1313     |
| 8.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1312     |
| 9.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1311     |
| 10. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1709     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6810(Chính) |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 14. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: bán buôn sắt, thép;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662        |
| 15. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2392        |
| 16. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2394        |
| 17. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2410        |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su ; | 4663        |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni , kính xây dựng, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4752        |
| 20. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4511        |
| 21. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2013        |
| 22. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2220        |
| 23. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1701        |
| 24. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1702        |
| 25. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>Chỉ gồm có: Sản xuất hóa chất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng qui định pháp luật (không bao gồm hóa chất sử dụng trong ngành nông nghiệp, hóa chất độc bảng a và hóa chất mà pháp luật cấm, hạn chế kinh doanh)                                                                                                                                                                     | 2011        |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: kinh doanh tổng hợp vật tư ngành giấy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 27. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6820        |

|     |                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh -ủy thác xuất nhập khẩu. | 8299 |
| 29. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật tư ngành giấy;                                                                                | 3290 |
| 30. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                            | 4101 |
| 31. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                      | 4102 |
| 32. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                | 4211 |
| 33. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                 | 4212 |
| 34. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                     | 4221 |
| 35. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                          | 4222 |
| 36. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                           | 4223 |
| 37. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                            | 4229 |
| 38. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                     | 4291 |
| 39. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                              | 4292 |
| 40. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                        | 4293 |
| 41. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                   | 4299 |

**6. Vốn điều lệ:** 45.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THĂNG LONG      | Số 327, tổ 45, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 2.250.000  | 22.500.000.000        | 50,000    | 0100103873                                                                                  |         |
|     |                                      |                                                                                      | Tổng số           | 2.250.000  | 22.500.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 68 MINH PHÚ | Cụm 8, thôn Ngọc Kiệu, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 363.600    | 3.636.000.000         | 8,080     | 0102005575                                                                                  |         |
|     |                                      |                                                                                      | Tổng số           | 363.600    | 3.636.000.000         | 8,080     |                                                                                             |         |
|     |                                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |
|----|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 3  | CÔNG TY<br>TNHH HÓA<br>DỆT HÀ TÂY | Thôn Hạnh Đàn,<br>Xã Tân Lập,<br>Huyện Đan<br>Phượng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 900.000 | 9.000.000.000 | 20,000 | 0500415210       |  |
|    |                                   |                                                                                                                    | Tổng số                 | 900.000 | 9.000.000.000 | 20,000 |                  |  |
|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |
| 4  | NGUYỄN<br>XUÂN TRÚC               | Số 40 Bà Triệu,<br>Phường Hàng<br>Bài, Quận Hoàn<br>Kiếm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 363.600 | 3.636.000.000 | 8,080  | 0010640003<br>22 |  |
|    |                                   |                                                                                                                    | Tổng số                 | 363.600 | 3.636.000.000 | 8,080  |                  |  |
|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |
| 5  | PHAN MINH<br>KHÁNH                | Số nhà 189, ngõ<br>12, đường Chiến<br>Thắng, Phường<br>Văn Quán, Quận<br>Hà Đông, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 97.200  | 972.000.000   | 2,160  | 111516722        |  |
|    |                                   |                                                                                                                    | Tổng số                 | 97.200  | 972.000.000   | 2,160  |                  |  |
|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |
| 6  | NGUYỄN<br>THÀNH NAM               | Số nhà 49, ngõ<br>168, tổ 29,<br>Phường Đại Kim,<br>Quận Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 16.200  | 162.000.000   | 0,360  | 013224832        |  |
|    |                                   |                                                                                                                    | Tổng số                 | 16.200  | 162.000.000   | 0,360  |                  |  |
|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |
| 7  | NGUYỄN<br>THANH TÙNG              | Nhà B6, tổ 4, cụm<br>1, Phường Xuân<br>La, Quận Tây Hồ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 252.900 | 2.529.000.000 | 5,620  | 011732362        |  |
|    |                                   |                                                                                                                    | Tổng số                 | 252.900 | 2.529.000.000 | 5,620  |                  |  |
|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |
| 8  | NGUYỄN<br>ANH TUẤN                | Số 32 gác<br>97/63 Phạm Ngọc<br>Thạch, Phường<br>Kim Liên, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 39.150  | 391.500.000   | 0,870  | 0010700114<br>32 |  |
|    |                                   |                                                                                                                    | Tổng số                 | 39.150  | 391.500.000   | 0,870  |                  |  |
|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |
| 9  | LÊ TRUNG<br>SƠN                   | Số nhà 7/54 phố<br>Hoa Bằng, tổ 7,<br>Phường Yên Hoà,<br>Quận Cầu Giấy,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam           | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 42.300  | 423.000.000   | 0,940  | 0010630104<br>20 |  |
|    |                                   |                                                                                                                    | Tổng số                 | 42.300  | 423.000.000   | 0,940  |                  |  |
|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |
| 10 | PHẠM TUẤN<br>HÙNG                 | Số 1 ngõ 208 phố<br>Thụy Khuê,<br>Phường Thụy<br>Khuê, Quận Tây<br>Hồ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 175.050 | 1.750.500.000 | 3,890  | 010377627        |  |
|    |                                   |                                                                                                                    | Tổng số                 | 175.050 | 1.750.500.000 | 3,890  |                  |  |
|    |                                   |                                                                                                                    |                         |         |               |        |                  |  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN TRÚC

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 07/07/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001064000322

Ngày cấp: 28/12/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 40 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *số 24 lô 4A đường Trung Yên 10, KĐT Trung Yên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội